

Bản án số: **201/2021/HS-PT**
Ngày: 23 - 4- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Quang Hiệp**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 178/2021/TLPT-HS ngày 27-01-2021 đối với bị cáo **Phạm Gia C và đồng phạm** về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” “Cố ý gây thương tích” “Cưỡng đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH DV và XNK P đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2020/HS-ST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Gia C. Sinh ngày 02/9/1978, tại Bình Định. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tỉnh Bình Định. Nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc A và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 14 tháng 3 năm 2014, bị Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án, về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” (Tại Bản án số 26/2014/HSST) (Bản án này đã được xóa). Bị cáo đầu thú ngày 05/6/2020 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Phạm Quỳnh L. Sinh ngày 20/8/1985, tại Bình Định. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tỉnh Bình Định. Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà H Thị Thu H (đã chết); bị cáo có vợ là Lê Thị Thanh N và có 01 con sinh năm 2015; tiền án: không, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 05/6/2020 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến ngày 31/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Võ Văn N. Sinh ngày 20/01/1959, tại Quảng Ngãi. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: tỉnh Bình Định. Nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ H (đã chết) và bà Phan Thị H (đã chết); bị cáo có vợ là Diệp Thị Mai P và có 02 con sinh năm 1991 và sinh năm 1999; tiền án: không, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại; Có mặt.

4. Nguyễn Minh V, tên gọi khác: V độ. Sinh ngày 17/3/1971, tại Quảng Ngãi. Nơi ĐKHKTT: thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn G và bà Võ Thị Xuân H; bị cáo có vợ là Tân Thị Lê T và có 02 con sinh năm 1997 và sinh năm 2003; tiền án: không, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 25 tháng 11 năm 1997, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Gia lai (nay là thị xã A, tỉnh Gia Lai) xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án, về tội: “*Gây rối trật tự công cộng*” (Tại Bản án số 13/HS-ST) (Bản án này đã được xóa án tích). Ngày 13 tháng 3 năm 2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 02 năm cải tạo không giam giữ về tội: “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” và 01 năm cải tạo không giam giữ về tội: “*Chống người thi hành công vụ*”. Tổng hợp hình phạt phải chấp hành là 03 năm cải tạo không giam giữ (Tại Bản án số 13/2007/HSST), sau đó bản án này bị Viện thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng kháng nghị. Ngày 25 tháng 6 năm 2007, Tòa án nhân dân phúc thẩm Tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” và 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội: “*Chống người thi hành công vụ*”. Tổng hợp hình phạt phải chấp hành là 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Tại Bản án số 551/2007/HSPT) (Bản án này đã được xóa án tích)

Ngày 23 tháng 12 năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, về hành vi vận chuyển gỗ trái phép.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Bị hại**

Anh Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1984

Trú tại: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Công ty TNHH DV và XNK P

Địa chỉ: tỉnh Bình Định

Do ông Võ Minh B, sinh năm 1972; trú tại: tỉnh Bình Định làm đại diện. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16 tháng 01 năm 2017, ông Võ Văn N - là Phó Giám đốc đại diện Công ty TNHH thương mại tổng hợp A có trụ sở tại: tỉnh Bình Định, ký hợp đồng với ông Nguyễn Thanh L1 - là Phó tổng Giám đốc đại diện của Công ty cổ phần sản xuất thương mại N có trụ sở tại: thành phố Hồ Chí Minh để làm tổng phân phối dầu nhớt nhãn hiệu N Nano khu vực Miền Trung. Ngày 17 tháng 01 năm 2017, Công ty A đã chuyển cho Công ty N số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) là số tiền ký quỹ theo hợp đồng kinh doanh, trong đó có 1.500.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) C góp vốn vào Công ty A cùng kinh doanh dầu nhớt.

Do hoạt động kinh doanh không đạt doanh thu như trong hợp đồng nên ngày 02 tháng 5 năm 2017 ông Võ Văn N và ông Nguyễn Thanh L1 đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng phân phối dầu nhớt nêu trên. Theo biên bản thanh lý hợp đồng, Công ty N phải thanh toán lại cho Công ty A số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) và Công ty N đã xác nhận nợ, cam kết thanh toán số tiền nợ nêu trên cho Công ty A. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ nhưng Công ty N vẫn không thanh toán số tiền trên cho Công ty A.

Do nhiều lần không liên lạc được với Nguyễn Thanh L1 để hỏi về số tiền nợ nêu trên nên Võ Văn N đã bàn bạc với Phạm Gia C để C liên lạc với L1 nhằm mục đích đòi lại số tiền mà L1 nợ chưa trả, đồng thời N nói C đến tỉnh Bình Định để gặp người có tên là Hồ Ngọc H (Sinh năm: 1964) - Là đại lý cấp 2 của Công ty anh L1 tại Quy Nhơn, để thông qua ông H liên lạc với anh L1 và N dặn C khi gặp ông H phải giới thiệu tên là Dũng ở Gia Lai và nói dối là muốn mở đại lý phân phối dầu nhớt tại Tây Nguyên với L1. Sau đó, C đến gặp ông H trao đổi nội dung như N nói với ông H thì được ông H gọi điện cho anh L1, L1 đồng ý việc ký hợp đồng mở đại lý phân phối với C tại Tây Nguyên.

Đến khoảng tháng 02 năm 2020, C gọi điện thoại cho anh L1 xưng tên là Dũng - là người thuộc Công ty D ở Gia Lai, cần ký hợp đồng làm nhà phân phối dầu nhớt N cho Công ty của anh L1 tại Tây Nguyên, anh L1 đồng ý. Đến ngày 27 tháng 5 năm 2020, C tiếp tục gọi điện thoại cho anh L1 và hẹn ngày 28 tháng 5 năm 2020 gặp nhau tại thành phố P, tỉnh Gia Lai để ký hợp đồng.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, anh L1 cùng vợ là Nguyễn Thị Cẩm H và tài xế lái xe là Nguyễn Thanh H đi từ thành phố Hồ Chí Minh đến tỉnh Gia Lai để gặp C. Khi đến thành phố P, C gặp và dẫn anh L1 vào nhà anh Nguyễn Minh V tại thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Tại đây, C nói với anh L1, C là nhân viên của Công ty A gặp anh L1 để đòi nợ. Sau đó, anh C đã cùng với Phạm Quỳnh L bắt anh L1 đưa ra khỏi nhà và sử dụng chiếc xe bán tải biển kiểm soát 77C-156.72 chở anh L1 đi, khi đi C nói với anh L1: “Đi gặp anh N để đối chiếu công nợ”, C điều khiển xe ô tô trên

cùng L chở anh L1 đến khách sạn Phú Vang ở Lô 69-70 đường Tôn Thất Tùng, phường Phù Đồng, thành phố P, Gia Lai, thuê một phòng và cùng L đưa anh L1 lên phòng này. Tại đây, C gọi điện thoại cho N thông báo việc C và L đã giữ được anh L1 và đã đưa anh L1 đến khách sạn Phú Vang. Nghe vậy, ông N đi từ thành phố Quy Nhơn đến thành phố P, tỉnh Gia Lai và gặp anh L1 tại khách sạn nêu trên.

Khi gặp anh L1, N hỏi anh L1 về số tiền mà anh L1 còn nợ N trước đó, anh L1 nói hiện tại Công ty gặp khó khăn nên chưa có tiền để trả nợ, anh L1 nói với N và C hiện tại anh L1 còn một thửa đất tại Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh nếu để anh L1 về thành phố Hồ Chí Minh cầm cố hoặc bán thửa đất trên anh L1 sẽ trả nợ. Nghe vậy, N không đồng ý mà yêu cầu anh L1 phải ở lại để hợp tác trả nợ. Sau đó, ông N nói L1 viết giấy ủy quyền cho vợ anh L1 là chị Nguyễn Thị Cẩm H để về thành phố Hồ Chí Minh bán thửa đất trên. Sau đó, N dùng máy tính xách tay của mình nói anh L1 đọc thông tin và soạn thảo giấy ủy quyền rồi đi in, sau đó chuyển lại cho C để đưa anh L1 ký. Khoảng 22 giờ ngày 28 tháng 5 năm 2020, khi N đang ăn tối cùng Nguyễn Minh V tại ngã tư giữa đường H với đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì Phạm Gia C điều khiển xe ô tô chở L và L1 đến gặp N và V (L và L1 ngồi trên xe ô tô). Tại đây, C đã đưa giấy ủy quyền mà anh L1 đã ký cho N và nói với N là C sẽ đưa anh L1 về Bình Định để giải quyết nợ, N đồng ý. Sau đó, C dùng xe ô tô trên chở L và anh L1 đi huyện V, tỉnh Bình Định. Đến trưa ngày 29 tháng 5 năm 2020, N đến nhà nghỉ T ở số thành phố P đưa giấy ủy quyền mà anh L1 đã ký cho vợ anh L1 là chị Nguyễn Thị Cẩm H.

Đến rạng sáng ngày 29 tháng 5 năm 2020, Phạm Gia C và Phạm Quỳnh L dùng xe bán tải 77C-156.72 chở anh L1 đến nhà xưởng Công ty H của bà Nguyễn Thị V (Tên gọi khác: L) tại tỉnh Bình Định và giữ anh L1 tại đây đến ngày 31 tháng 5 năm 2020. Trong quá trình giữ anh L1, C đã dùng gậy bóng chày đánh vào hai khuỷu tay và hai đầu gối của anh L1, đồng thời C liên lạc bằng điện thoại cho N để thông báo hiện đang giữ L1 tại V, N nói với C: “*Cứ giữ nó, chừng nào nó trả tiền thì cho nó về*” và N nói để mang dây xích đến cho C xích chân L1 lại nhưng C nói là đã có còng số 8 rồi nên khỏi mang lên. Sau đó, N nói với C không được đánh L1 và cho L1 ăn uống đầy đủ đồng thời phải yêu cầu anh L1 liên lạc với gia đình để có kế hoạch trả nợ.

Đến sáng ngày 31 tháng 5 năm 2020, C và L tiếp tục chở anh L1 từ huyện V, tỉnh Bình Định đến thị xã A, tỉnh Gia Lai thuê một phòng tại khách sạn T ở thị xã A, tỉnh Gia Lai để tiếp tục giữ anh L1 để đòi nợ. Tại đây, C tiếp tục ép anh L1 trả nợ và đánh vào hai vai của anh L1. Đến tối khi đi ngủ, C nói L dùng còng số 8 còng 2 chân của anh L1, mục đích không để anh L1 bỏ trốn, ban ngày thì mở còng cho anh L1 và cả ba cùng đi ăn sáng uống cà phê xong rồi về lại khách sạn ở trong phòng. Trong thời gian này, C có gọi điện thoại thông báo N biết đã đưa anh L1 đến A, N có nói với C cứ giữ L1 đến ngày 04 tháng 6 năm 2020 nếu L1 không trả tiền thì viết đơn tố giác anh L1 nợ tiền của C và N. Đến sáng ngày 02 tháng 6 năm 2020, C và L đưa anh L1 đi ăn sáng, uống cà phê tại thị xã A. Tại đây, C gặp Nguyễn Minh V nên C hỏi V cho C mượn căn phòng

trong nhà xưởng của V tại Công ty Đ ở huyện Đ để C, L và anh L1 ở. Nghe C nói, V biết rõ C và L đang giữ L1 để đòi nợ nhưng vẫn đồng ý cho C, L giữ anh L1 tại xưởng gỗ của mình.

Đến trưa ngày 02 tháng 6 năm 2020, C cùng L sử dụng xe ô tô chở anh L1 đến nhà xưởng của Công ty Đ tại tỉnh Gia Lai. Tại đây, C được anh Phạm Đắc B là Bảo vệ nhà xưởng của Công ty Đ chỉ cho một căn phòng để ở. Sau đó, C và L đã đưa anh L1 vào căn phòng trong khu vực nhà xưởng. Sau đó, C gọi điện thoại cho thông báo cho N biết đã đưa anh L1 đến huyện Đ, tỉnh Gia Lai để giữ, ông N đồng ý. B ngày, C bảo L nhốt anh L1 trong phòng và ngồi bên ngoài canh gác không cho anh L1 bỏ trốn, đến tối khi đi ngủ C bảo L dùng còng số 8 còng chân, tay của anh L1 lại không để anh L1 bỏ trốn. Trong quá trình giữ anh L1 tại nhà xưởng của công ty Đ, C dùng cây gỗ và cây gậy bằng kim loại và giày đánh vào hai khuỷu tay, vai và mông, mặt; dùng ấm nước sôi chế vào gò má trái và mu bàn tay trái; dùng bình xịt hơi cay xịt vào mắt, mũi và miệng của anh L1 gây thương tích, đồng thời C nhiều lần yêu cầu anh L1 gọi cho gia đình chuyển tiền trả nợ và tiền chi phí ăn ở cho C, C đã tháo sim điện thoại trong máy điện thoại Sam Sung của L1 và gắn vào một điện thoại Nokia của C rồi yêu cầu L1 gọi cho những người thân của L1 để lo tiền trả nợ, tiền chi phí ăn ở cho C.

Từ ngày 31 tháng 5 năm 2020 đến ngày 03 tháng 6 năm 2020, người thân của anh L1 đã chuyển vào tài khoản số 19035638384018 của Phạm Gia C tổng số tiền là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), trong đó có 100.000.000 đồng là dùng để trả nợ cho Võ Văn N và Phạm Gia C còn 25.000.000 đồng là C yêu cầu anh L1 gọi người nhà chuyển vào tài khoản của C để lo chi phí ăn ở cho anh L1 trong thời gian bị bắt giữ. Ngày 03 tháng 6 năm 2020, chị Nguyễn Thị Cẩm H đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc nêu trên. Đến 13 giờ ngày 05 tháng 6 năm 2020, sau khi được Cơ quan Công an thông báo, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Phạm Gia C và Phạm Quỳnh L đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú và bị tạm giữ. Sau đó, hành vi của Võ Văn N và Nguyễn Minh V bị phát hiện.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ tại hiện trường 01 còng số tám; 01 thanh kim loại dạng chìa khóa còng số tám dài 05cm, đường kính 0,05mm; 01 gậy loại ba khúc dài 63cm, đường kính cán rộng 03cm, có tay nắm bằng cao su; 01 bình xịt hơi cay hiệu Nato có kích thước (11,5 x 03)cm; 01 áo thun nam màu đà có diện (90 x 60)cm; 01 quần đùi nam màu xanh nâu có diện (60 x 55)cm. Thu giữ của Phạm Gia C 01 cây gỗ hình trụ dài 79cm, vát đều nhỏ dần về hai đầu, đường kính hai đầu bằng nhau kích thước 1,9cm; 01 cây gậy bằng kim loại hình trụ màu đen dài 70cm, đường kính đầu lớn 5,1cm, đường kính đầu nhỏ 4,9cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, có số Imei 35950079523536; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đỏ, có số Imei 355838085933723; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có số Imei 351488/20/701720/5; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, có số Imei 358574080359287; 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Mitsubishi màu xám bạc biển số 77C-156.72; 01 giấy đăng ký xe ô tô 77C-156.72 mang tên Công ty TNHH DV SX và XNK P và 01 chiếc điện thoại di

động Galaxy Note 9 màu nâu số Sêri R58K9036X9T mà C đã giữ của anh L1. Thu giữ của Phạm Quỳnh L 01 điện thoại di động Iphone X màu đen, có số Imei 356742084055596. Thu giữ trên xe ô tô 77C-156.72 gồm 01 con dấu của Công ty cổ phần sản xuất thương mại N -Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đen bạc, có số 00186-249.551-113.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 107/CSHS về việc trưng cầu giám định tổn hại sức khỏe của bị hại Nguyễn Thanh L1. Qua giám định, tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 166/2020/TgT ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế Gia Lai kết luận bị hại Nguyễn Thanh L1 như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

+Gãy xương chính mũi không ảnh hưởng chức năng thở.

+Vỡ lồi cầu ngoài đầu dưới xương cánh tay phải.

2. Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 28%. Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư 22/2019/TT-BYT”.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định 01 con dấu của Công ty cổ phần sản xuất thương mại N do anh L1 quản lý; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đen bạc và 01 chiếc điện thoại di động Galaxy Note 9 màu nâu là đồ vật và tài sản của anh Nguyễn Thanh L1 nên đã trả lại cho anh L1. Chiếc xe ô tô bán tải nhãn hiệu Mitsubishi màu xám bạc biển số 77C-156.72 và 01 giấy đăng ký xe ô tô 77C-156.72 mang tên Công ty TNHH DVSX và XNK P là tài sản của Công ty P nên trả lại cho Công ty P.

Với các nội dung trên,

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2020/HSST ngày 21/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Gia C phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Bị cáo Phạm Quỳnh L phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Bị cáo Võ Văn N và bị cáo Nguyễn Minh V phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015,

Xử phạt bị cáo Phạm Gia C 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS năm 2015,

Xử phạt bị cáo Phạm Gia C 12 (mười hai) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015,

Xử phạt bị cáo Phạm Gia C 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Phạm Gia C chấp hành

chung hình phạt của cả 03 tội là **4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/6/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS năm 2015,

Xử phạt bị cáo Phạm Quỳnh L **9 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2020 đến ngày 31/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS năm 2015,

Xử phạt bị cáo Võ Văn N **9 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS năm 2015,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V **9 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015,

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây gỗ hình trụ dài 79cm, vát đều nhỏ dần về hai đầu, đường kính hai đầu bằng nhau kích thước 1,9cm; 01 cây gậy bằng kim loại hình trụ màu đen dài 70cm, đường kính đầu lớn 5,1cm, đường kính đầu nhỏ 4,9cm; 01 dụng cụ còng số tám bằng kim loại; 01 thanh kim loại dạng chìa khóa còng số tám dài 05cm, phi 0,05mm; 01 gậy loại ba khúc dài 63cm, đường kính cán rộng 03cm, có tay nắm bằng cao su; 01 bình kim loại dạng bình xịt hơi cay hiệu Nato có kích thước (11,5 x 03)cm; 01 áo thun nam màu đà có diện (90 x 60)cm; 01 quần đùi nam màu xanh nâu có diện (60 x 55)cm.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước giá trị các vật chứng sau đây: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, có số Imei 35950079523536; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đỏ, có số Imei 355838085933723; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, có số Imei 351488/20/701720/5; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, có số Imei 358574080359287; 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Mitsubishi màu xám bạc biển số 77C-156.72;

Do 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Mitsubishi màu xám bạc biển số 77C-156.72 kê trên đã giao trả cho Công ty TNHH DV SX và XNK P nên buộc Công ty TNHH DV SX và XNK P phải giao nộp lại chiếc xe và 01 giấy đăng ký xe ô tô 77C-156.72 mang tên Công ty TNHH DV SX và XNK P để thực hiện sung vào Ngân sách Nhà nước giá trị chiếc xe.

Trường hợp Công ty TNHH DV SX và XNK P đã chuyển nhượng chiếc xe trên cho người khác thì buộc Công ty TNHH DV SX và XNK P phải nộp số tiền 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Quỳnh L 01 điện thoại di động Iphone X màu đen, có số Imei 356742084055596

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số 07/2021 lập ngày 26/10/2020, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 30/12/2020 bị cáo Phạm Gia C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 22/12/2020 bị cáo Võ Văn N kháng cáo xin được hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 25/12/2020 bị cáo Phạm Quỳnh L kháng cáo xin được hưởng mức án cải tạo không giam giữ.

Ngày 25/12/2020 bị cáo Nguyễn Minh V kháng cáo xin được hưởng mức án cải tạo không giam giữ.

Ngày 28/12/2020 đại diện hợp pháp của công ty TNHH Dịch vụ sản xuất và Xuất nhập khẩu P kháng cáo xin trả lại chiếc ô tô BKS 77C – 017.72 cho công ty.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Dịch vụ sản xuất và Xuất nhập khẩu P giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ngày 28/5/2020, C đưa ra thông tin cần ký hợp đồng phân phối dầu Nhớt N của Công ty anh Nguyễn Thanh L1 nên anh L1 đã lên thành phố P để gặp C. Tại đây, Phạm Gia C và Phạm Quỳnh L đã có hành vi khống chế và bắt giữ anh L1 để đòi nợ số tiền 3 tỷ đồng mà L1 đã nợ Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp A. Sau đó, C và L đã chuyển anh L1 về huyện V rồi đến xưởng gỗ của Nguyễn Minh V tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai. N là người đồng ý việc giữ L1 lại để đòi nợ, Nguyễn Minh V là người biết việc bắt giữ anh L1 và đồng ý để L, C mượn nhà xưởng để giữ anh L1. C đã nhiều lần yêu cầu anh L1 liên hệ với chị Nguyễn Thị Cẩm H (vợ anh L1) để chuyển tiền trả nợ và tiền ăn ở là 125.000.000 đồng. Trong thời gian giam giữ, C đã có hành vi dùng gậy gỗ và dùi sắt gây thương tích 28% cho anh L1 để yêu cầu anh L1 trả nợ.

Toà án cấp sơ thẩm xét xử Phạm Gia C, Phạm Quỳnh L, về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; xử bị cáo Võ Văn N, Nguyễn Minh V về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Gia C còn bị xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134

và tội: “Cuồng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy:

Đối với bị cáo Phạm Gia C bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ba tội với mức hình phạt là 04 năm 06 tháng tù. Mức hình phạt này tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết nào mới, khác so với án sơ thẩm nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Phạm Quỳnh L bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Bị cáo có hai hành vi bắt và giữ người nên mức hình phạt 09 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết nào mới, khác so với án sơ thẩm nên không có căn cứ để xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Võ Văn N, bị cáo phạm tội chỉ có một hành vi là giữ người trái pháp luật, bị cáo sinh năm 1959 đến nay 62 tuổi, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Mức hình phạt 09 tháng tù so với bị cáo Phạm Quỳnh L là có phần nghiêm khắc. Nên HĐXX xét không cần thiết cách ly bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo với một thời gian thử thách cần thiết cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh V, bị cáo phạm tội chỉ có một hành vi là giữ người trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù so với bị cáo Phạm Quỳnh L là không công bằng, có phần nghiêm khắc. Nhưng do bị cáo có nhân thân xấu, nên HĐXX xét chỉ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Thể hiện chính sách hình sự nhân đạo, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo.

[3]. Xét kháng cáo của Công ty TNHH DV SX và XNK P yêu cầu sửa phần xử lý vật chứng xem xét lại việc tịch thu, sung vào Ngân sách chiếc ô tô bán tải BKS 77C-156.72.

HĐXX phúc thẩm thấy, chiếc ô tô bán tải là phương tiện mà bị cáo Phạm Gia C dùng vào việc phạm tội, theo các hồ sơ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định chiếc ô tô đã được Công ty P chuyển nhượng cho Phạm Gia C với giá 340.000.000 đồng, C đã giao 250.000.000 đồng cho Công ty.

Nên Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu, sung vào Ngân sách chiếc ô tô bán tải BKS 77C-156.72 là có căn cứ, đúng pháp luật. HĐXX cấp phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH DV SX và XNK P.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo các bị cáo Phạm Gia C, Phạm Quỳnh L không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị cáo Võ Văn N, Nguyễn Minh V được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của Công ty TNHH DV SX và XNK P không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 của Điều 355; Điều 356; Điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH DV SX và XNK P về phần xử lý vật chứng.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Gia C, Phạm Quỳnh L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2020/HS-ST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Văn N, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh V, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Phạm Gia C 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; 12 (mười hai) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Gia C phải chấp hành phạt chung của cả 03 tội là 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/6/2020.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Phạm Quỳnh L 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2020 đến ngày 31/8/2020.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V 06 (sáu) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Võ Văn N 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Giữ người trái pháp luật”. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 23/4/2021).

Giao bị cáo Võ Văn N về Ủy ban nhân dân phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trong trường hợp bị cáo Võ Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Buộc Công ty TNHH DV SX và XNK P phải giao nộp lại chiếc ô tô và một Giấy đăng ký ô tô mang BKS 77C-156.72 mang tên Công ty TNHH DV SX và XNK P để thực hiện sung vào Ngân sách Nhà nước giá trị chiếc xe.

Trường hợp Công ty TNHH DV SX và XNK P đã chuyển nhượng chiếc ô tô trên cho người khác thì buộc Công ty TNHH DV SX và XNK P phải nộp số tiền 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Gia C, Phạm Quỳnh L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Võ Văn N, Nguyễn Minh V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Công ty TNHH DV SX và XNK P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHHS - Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long